

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **57/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: **14 – 6 – 2024**

“Về việc: **Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.**

**Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Xuân Thủy.**

**2. Ông Phạm Văn Tiến.**

- **Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày **14** tháng **6** năm **2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **98/2024/TLST-HNGĐ** ngày **12** tháng **03** năm **2024**, về việc: “**Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **47/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày **07** tháng **05** năm **2024**; Thông báo mở lại phiên tòa số **28/2024/TB-TA** ngày **05** tháng **06** năm **2024**;

- **Nguyên đơn: Chị Thị N**, sinh năm **1988**; (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng)

- **Bị đơn: Anh Bùi Văn T**, sinh năm **1985**; (Vắng mặt không có lý do)

Cùng nơi cư trú: **xóm H, thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn **chị Thị N** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Thị N** và anh **Bùi Văn T** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận** vào ngày **16/7/2012**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc không phù hợp tính cách, lối sống, suy nghĩ, giao tiếp hằng ngày, không có sự nhường nhịn yêu thương lẫn nhau và anh **T** còn có quan hệ với

người phụ nữ khác bên ngoài, đã nhiều lần chị **N** cùng gia đình khuyên nhủ anh **T** nhưng anh **T** không nghe lời. Hiện nay, chị **N** và anh **T** đã ly thân khoảng 05 năm nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế, chị **N** yêu cầu được ly hôn với anh **Bùi Văn T**.

Về con chung: Chị **Thị N** và anh **Bùi Văn T** có 02 người con chung tên là **Bùi Thị Hồng N1**, sinh ngày 05/5/2014 và **Bùi Phước T1**, sinh ngày 22/01/2019. Khi ly hôn chị **N** yêu cầu Tòa án giao 02 người con chung cho chị **N** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh **M** không có yêu cầu gì thêm, cũng không trình bày ý kiến gì thêm.

[2]. *Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh **Bùi Văn T** không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do, Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh **T** và cũng không tiến hành hòa giải được.*

[3]. *Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2012, quyển số 01/2012 của **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; 01 bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 68 của **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; 01 Trích lục khai sinh số 243/TLKS-BS ngày 28/01/2019 của **UBND xã Đ**; 01 bản sao có chứng thực Căn cước công dân của chị **Thị N**; 01 bản sao có chứng thực Căn cước công dân của anh **Bùi Văn T**.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương **xã Đ** về quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị **N** và anh **T** và lập Biên bản xác minh ngày 17/04/2024 (Bút số 25).

[4]. *Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:*

- *Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án:* Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Thị N**; xử cho **chị Thị N** được ly hôn với **anh Bùi Văn T**; giao **cho chị Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng** 02 người con chung tên **Bùi Thị Hồng N1**, sinh ngày 05/5/2014 và **Bùi Phước T1**, sinh ngày 22/01/2019 cho đến khi thành niên; buộc **chị Thị N** phải nộp **300.000đồng** án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Thị N** vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh **Bùi Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào **Điều 227, 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

*[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn **chị Thị N**, yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là **“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”** căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3] Về nội dung vụ án:*

*[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn **chị Thị N**, Hội đồng xét xử nhận định:*

Căn cứ vào bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2012, quyển số 01/2012 của **UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận** (Bút lục số 02) mà **nguyên đơn chị Thị N** đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn; có đủ cơ sở xác định: **Chị Thị N và anh Bùi Văn T** tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa **chị N và anh T** là hợp pháp. Vì vậy, **chị N** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn **chị Thị N** xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc không phù hợp tính cách, lối sống, suy nghĩ, giao tiếp hàng ngày, không có sự nhường nhịn yêu thương lẫn nhau và anh **T** còn có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, đã nhiều lần **chị N** cùng gia đình khuyên nhủ anh **T** nhưng anh **T** không nghe lời. Hiện nay, **chị N** và anh **T** đã ly thân khoảng 05 năm nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế, **chị N** yêu cầu được ly hôn với anh **Bùi Văn T**.

Tại các biên bản xác minh lập ngày 17/04/2024 (Bút số 25), địa phương xã Đ cũng đã cung cấp thông tin: Sau khi kết hôn chị N và anh T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do vì thế Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được, cho thấy anh T không có nguyện vọng đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: Vợ chồng chị N và anh T đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị N được ly hôn với anh T.

*[3.2] Về con chung:*

Căn cứ vào bản sao có chứng thực Giấy khai sinh số 68 của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Trích lục khai sinh số 243/TLKS-BS ngày 28/01/2019 của UBND xã Đ mà nguyên đơn chị Thị N đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị N; có đủ cơ sở xác định được: Chị N và anh T có 02 người con chung tên là Bùi Thị Hồng N1, sinh ngày 05/5/2014 và Bùi Phước T1, sinh ngày 22/01/2019.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã Đ có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay, chị N là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, cháu T1. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, cháu T1. Chị N có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu T2 phát triển tốt về mọi mặt. Quá trình tố tụng, anh Bùi Văn T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng để thực hiện quyền, trình bày ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của mình về việc nuôi con. Do đó, yêu cầu của chị N việc nuôi con là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung chưa thành niên, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận; xử giao cho chị Thị N có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên là Bùi Thị Hồng N1, sinh ngày 05/5/2014 và Bùi Phước T1, sinh ngày 22/01/2019 cho đến khi thành niên; anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

*[3.4] Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

*[4] Về án phí:* Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc chị Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*[5] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình*

*Thuận:* Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144, các Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Thị N**:

Về việc ly hôn: Chị **Thị N** được ly hôn với anh **Bùi Văn T**.

Về việc nuôi con:

Giao cho **chị Thị N** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên là **Bùi Thị Hồng N1**, sinh ngày 05/5/2014 và **Bùi Phước T1**, sinh ngày 22/01/2019 cho đến khi các con chung thành niên;

Anh **Bùi Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về án phí: Buộc **chị Thị N** phải chịu **300.000đồng** án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào **300.000đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0005760** ngày **12/03/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, **chị Thị N** đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Bình;
- CC THADS h.Tánh Linh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**Trần Mạnh Trí**